

# ĐÁNH GIÁ NỘI DUNG VĂN HÓA TRONG DẠY HỌC TIẾNG VIỆT CHO HỌC VIÊN QUỐC TẾ TẠI HỌC VIỆN QUÂN Y

Phạm Phương Thảo, Nguyễn Thị Lan Hương  
Học viện Quân y

**Tóm tắt:** Nghiên cứu đánh giá nội dung văn hóa trong dạy học tiếng Việt tại Học viện Quân y thông qua phân tích giáo trình và khảo sát trải nghiệm, nhu cầu của học viên. Kết quả cho thấy nội dung văn hóa cơ bản phù hợp, góp phần hỗ trợ giao tiếp ở mức độ ban đầu. Tuy nhiên, vẫn tồn tại những hạn chế về tính đa dạng, chiều sâu và mức độ tương tác, đồng thời một số nội dung thiết thực chưa được đề cập đầy đủ. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả dạy học tiếng Việt gắn với yếu tố văn hóa.

**Từ khóa:** Nội dung văn hóa, tiếng Việt, học viên quốc tế, học viện Quân y.

## AN EVALUATION OF CULTURAL CONTENT IN TEACHING VIETNAMESE TO INTERNATIONAL STUDENTS AT THE MILITARY MEDICAL ACADEMY

**Abstract:** This study evaluates cultural content in teaching Vietnamese at the Vietnam Military Medical University through textbook analysis and a survey of learners. The findings show that the content is generally appropriate and supports basic communication, but remains limited in diversity, depth, and interactivity. The study also proposes solutions to improve the effectiveness of culturally integrated language teaching.

**Keywords:** cultural content; Vietnamese language; international students; Military Medical Academy.

Nhận bài: 14/03/2026

Phản biện: 12/04/2026

Duyệt đăng: 17/04/2026

### I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hiện nay, việc giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài - tiếng Việt như một ngoại ngữ đã trở thành mối quan tâm hàng đầu trong việc giảng dạy ngoại ngữ, ngôn ngữ ở Việt Nam do nhu cầu học tiếng Việt của người nước ngoài ở Việt Nam ngày càng tăng cao. Việc dạy học tiếng Việt như một ngoại ngữ không đơn thuần là sự cung cấp hệ thống từ vựng và ngữ pháp mà còn cần quan tâm đến các yếu tố văn hóa. Bởi sự am hiểu về văn hóa là chìa khóa giúp người học phát triển năng lực giao tiếp, có khả năng tạo ra những hành động giao tiếp không chỉ chính xác về mặt cấu trúc ngữ pháp mà còn thích ứng về văn hóa. Do đó, việc khai thác nội dung văn hóa trong dạy và học tiếng Việt là một đòi hỏi tất yếu.

Học viện Quân y là một trong những cơ sở hàng đầu đào tạo bác sĩ, dược sĩ tương lai phục vụ công tác y tế trong quân đội và cả nước, đồng thời đảm nhiệm đào tạo các cán bộ y tế cho quân đội hai nước bạn Lào và Campuchia. Trong giai đoạn đầu tiên, học viên quốc tế được đào tạo tiếng Việt cơ bản thông qua chương trình dự khóa. Đây cũng là khoảng thời gian để học viên hòa nhập và thích nghi với môi trường quân đội cũng như đời sống văn hóa tại Việt Nam, đòi hỏi khả năng sử dụng tiếng Việt phù hợp trong các tình huống giao tiếp hàng ngày.

Chính vì vậy, việc khai thác nội dung văn hóa trong dạy học tiếng Việt góp phần hỗ trợ học viên làm quen và sử dụng ngôn ngữ hiệu quả hơn. Từ

thực tế này, bài viết tiến hành đánh giá nội dung văn hóa trong dạy học tiếng Việt cho học viên quốc tế tại Học viện Quân y, nhằm làm rõ mức độ thể hiện nội dung văn hóa và đề xuất hướng khai thác phù hợp.

### II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

#### 2.1. Cơ sở lý luận

Khi bàn về mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa thì các nhà khoa học đều có cùng quan điểm là ngôn ngữ và văn hóa có mối quan hệ vô cùng mật thiết, và không thể tách rời. Đó là mối quan hệ giữa nội dung và hình thức, trong đó: văn hóa có vai trò là nội dung còn ngôn ngữ là hình thức để thể hiện nội dung đó. Humboldt đã viết: “Những đặc điểm tinh thần và cấu trúc ngôn ngữ của một người hoà quyện nhau rất mật thiết... Ngôn ngữ là biểu hiện bên ngoài của tinh thần dân tộc: ngôn ngữ là linh hồn dân tộc, và linh hồn của họ cũng chính là ngôn ngữ của họ, khó mà tưởng tượng có bất kỳ hai cái nào giống hệt nhau như là tinh thần và ngôn ngữ” (Humboldt, 1907, dẫn theo Trần Thúy Vịnh, 2013).

Văn hóa là một yếu tố góp phần hình thành hệ thống ngôn ngữ. Mỗi dân tộc có nền văn hóa khác nhau và cách phản ánh thế giới khác nhau; từ đó, những thói quen, cách sử dụng ngôn ngữ của các dân tộc trên thế giới cũng khác nhau. Thông qua ngôn ngữ, các giá trị văn hóa riêng biệt của mỗi quốc gia đều được biểu lộ. Ví dụ, Việt Nam có nền văn minh lúa nước và nền văn hóa nông nghiệp,

người Việt Nam sống thiên về tình cảm và đề cao giá trị cộng đồng. Do vậy, khi thực hiện giao tiếp, người Việt Nam thường hỏi những câu: “Đi đâu đấy?”, “Năm nay bao nhiêu tuổi?”, “Bao giờ em lấy chồng?”. Người Việt có thói quen hỏi rất nhiều để thể hiện sự quan tâm và tìm hiểu, nhất là đối với người lần đầu gặp hoặc lâu lắm mới gặp, sau đó mới bắt đầu chủ đề chính. Trong khi đó, văn hóa phương Tây lại coi trọng vai trò cá nhân và có tư duy phân tích lý tính nên người phương Tây có thói quen giao tiếp đi thẳng vào chủ đề chính, không muốn mất thời gian không hỏi han những câu hỏi riêng tư.

Văn hóa còn giúp việc truyền tải ngôn ngữ (giao tiếp) trở nên hiệu quả hơn. Theo Phạm Đăng Bình (2013, dẫn theo Nguyễn Thị Thủy, 2020), trong quá trình giao tiếp gồm có 3 thành tố [50, tr. 461]: (1) Nguồn tin và nguồn phát (có thể là một), (2) Nguồn nhận và nơi nhận (có thể là một), (3) Mã.

Giao tiếp có thể diễn ra theo hai dạng là trực tiếp và gián tiếp, trong đó, mô hình hóa quá trình giao tiếp trực tiếp như sau:

Phát/ nói -> nhận/ nghe

Hiểu

Có thể thấy rằng, trong quá trình giao tiếp, thông tin được mã hóa và trao đổi từ phía người nói (người viết) sang người nghe (người đọc). Người nghe (người đọc) có nhiệm vụ giải mã và hiểu thông tin. Để đạt được sự thông hiểu giữa người nói và người nghe thì các đối tượng giao tiếp cùng nắm vững được một ngôn ngữ làm công cụ để giao tiếp. Do vậy, đối với trường hợp các bên tham gia giao tiếp đều là người bản xứ, ít xảy ra vấn đề trong quá trình trao đổi thông tin hoặc nếu xảy ra cũng có thể được giải quyết dễ dàng hơn. Tuy nhiên, khi các bên cùng sử dụng một ngôn ngữ nhưng lại đến từ những nền văn hóa khác nhau thì vấn đề trục trặc trong giao tiếp là điều không tránh khỏi.

## 2.2. Sự cần thiết của việc dạy văn hóa trong dạy học tiếng Việt như một ngoại ngữ

Văn hóa là yếu tố cần thiết trong giảng dạy và học ngôn ngữ”. Theo nhà giáo học người Pháp G. Laxer đã khẳng định: “Dù sử dụng sách giáo khoa hay phương pháp nào đi chăng nữa thì trước hết kiến thức về văn hóa vẫn tạo nên những giá trị cơ bản của học vấn. Người thầy không nên chỉ bó hẹp trong mục đích dạy tiếng. Không để cập tới

các hiện tượng văn hóa thì việc học tiếng trở nên khô khan và chỉ dẫn đến kết quả là người học mới chỉ nắm được các hiện tượng ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng mà thôi...” (Laxer, 1990). Barry Tomalin và Susan Stempleski (1993) đã chỉ ra rằng một trong những mục tiêu của giảng dạy ngôn ngữ là tạo ra và khuyến khích sự tò mò của người học về văn hóa mục tiêu, được xem là một trong những động lực cho người học ngôn ngữ. Khi học tiếng Việt, người nước ngoài càng hiểu về văn hóa Việt Nam càng có nhu cầu khám phá sâu hơn. Do đó, dạy ngôn ngữ cần gắn với dạy văn hóa để người học có thể hòa nhập hiệu quả.

## 2.3. Phương pháp nghiên cứu

Để tiến hành nghiên cứu, tác giả sử dụng những phương pháp như sau:

**Phương pháp phân tích tài liệu:** Suru tâm, đọc, phân tích các nghiên cứu liên quan đến các về vấn đề giảng dạy tiếng Việt và văn hóa Việt cho người nước ngoài. Đồng thời, nghiên cứu còn thu thập và phân tích số liệu trong các giáo trình được sử dụng để giảng dạy tiếng Việt cho học viên quốc tế ở Học viện Quân y.

**Phương pháp quan sát và tham gia:** Các buổi giảng dạy tiếng Việt cho học viên quốc tế và các hoạt động ngoài giờ dành cho học viên quốc tế được quan sát; từ đó nghiên cứu đưa ra đánh giá.

Phương pháp điều tra bằng phiếu: Phát phiếu hỏi cho 30 học viên quốc tế đang học tiếng Việt trình độ nâng cao tại Học viện Quân y năm học 2025-2026.

## 2.4. Kết quả nghiên cứu

2.4.1. Nội dung văn hóa Việt Nam qua các giáo trình dạy tiếng Việt cho học viên nước ngoài ở Học viện Quân y

Giáo trình là nguồn ngữ liệu quan trọng đối với giảng viên và học viên. Với việc giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài, giáo trình là yếu tố quan trọng để đảm bảo cho việc giảng dạy về văn hóa. Luận văn khảo sát 4 giáo trình được sử dụng trong quá trình dạy tiếng Việt giao tiếp ở Học viện Quân y.

1. *Tiếng Việt trình độ A tập 1, tập 2* (TVA), Đoàn Thiện Thuật (chủ biên)

2. *Tiếng Việt trình độ B* (TVB), Đoàn Thiện Thuật (chủ biên)

3. *Tiếng Việt trình độ C* (TVC), Đoàn Thiện Thuật (chủ biên)

4. *Bài đọc tiếng Việt nâng cao* (dành cho người

nước ngoài) (TVNC), Hwang Gwi Yeon, Trịnh Cẩm Lan, Nguyễn Khánh Hà.

#### **a. Các chủ đề văn hóa được thể hiện các bài đọc:**

Qua thống kê, nội dung văn hóa đã được thể hiện khá đầy đủ trong giáo trình giảng dạy tiếng Việt dự khóa với mức độ và tần suất khác nhau. Nhìn chung, các chủ đề văn hóa được phân bố tương đối phong phú với nhiều lĩnh vực gần gũi của đời sống xã hội.

Chủ đề văn hóa du lịch chiếm số lượng nhiều nhất 13/42 bài với 3/4 giáo trình (trừ TVC); trong đó, cuốn Bài đọc tiếng Việt nâng cao có nhiều bài đọc về chủ đề văn hóa du lịch nhất 8/13 bài. Ngoài ra, chủ đề văn hóa ứng xử với tự nhiên chiếm 16/42 bài, cụ thể: văn hóa ăn uống chiếm 11/16 bài; văn hóa đi lại với 5/11 bài; không có bài đọc nào nói về văn hóa ăn mặc và ở. Bên cạnh đó, văn hóa lịch sử chiếm 8/42 bài và xuất hiện trong 3/4 giáo trình (trừ TVA). Đây là những chủ đề gần gũi và kích thích sự tò mò, hào hứng với người học tiếng Việt, đặc biệt ở giai đoạn đầu tiên.

Bên cạnh đó, một số chủ đề như văn hóa sinh hoạt, văn hóa học tập hay văn hóa giao thông cũng được giới thiệu nhưng với tần suất thấp hơn. Các chủ đề văn hóa khác như văn hóa nghệ thuật, phong tục lễ hội, văn hóa gia đình – cộng đồng chưa được khai thác nhiều chiếm số lượng ít và chỉ xuất hiện ở 1 – 2 giáo trình và ở trình độ nâng cao. Những chủ đề này là tấm gương phản ánh những chuẩn mực ứng xử của người Việt, tuy nhiên các giáo trình lại đề cập đến một cách tương đối hạn chế.

Nội dung văn hóa trong các bài đọc của các giáo trình trên góp phần tạo tiền đề đầu tiên cho học viên hình thành những hiểu biết cơ bản về văn hóa Việt Nam. Tuy nhiên các chủ đề chưa được phân bố hợp lý trong các giáo trình; chủ yếu là chủ đề phổ thông, thiếu bài đọc mang tính chiều sâu để phát triển năng lực giao tiếp và ứng xử trong môi trường bản địa. Một số chủ đề quan trọng nhưng chưa được các tác giả biên soạn giáo trình quan tâm như: văn hóa mặc (trang phục) và văn hóa ở. Qua khảo sát, các giáo trình không có bài đọc này viết về trang phục truyền thống của Việt Nam như: áo dài, áo tứ thân... hay nhà ở của người Việt. Điều này là một thiếu sót lớn trong tài liệu giảng dạy cho người nước ngoài về Việt Nam.

#### **b. Các chủ điểm giao tiếp trong các giáo trình**

Mục đích của quá trình dạy và học ngoại ngữ là người học phải đạt được năng lực giao tiếp bằng tiếng mà mình học. Nếu không hiểu biết các chuẩn mực và quan niệm trong văn hóa giao tiếp, người học chỉ diễn đạt vụng về ngôn ngữ được học bằng văn hóa gốc của mình. Vì thế, các chủ điểm giao tiếp là lĩnh vực thứ hai biểu hiện văn hóa Việt Nam trong tiếng Việt cần được khảo sát trong giáo trình.

Theo kết quả khảo sát cho thấy ở tất cả các giáo trình đều rất chú ý đến phần hội thoại. Trong số 12 chủ điểm giao tiếp được khảo sát, các đoạn hội thoại có 4 chủ điểm giao tiếp xuất hiện ở cả 3 trình độ, bao gồm: giao thông - đi lại; giải trí; sức khỏe – y tế; dịch vụ và giải trí. Đây là tình huống giao tiếp thiết thực và phổ biến. Người nước ngoài sẽ thực hiện các cuộc giao tiếp theo các chủ điểm này ở các mức độ từ dễ đến khó, từ cơ bản đến phức tạp. Các giáo trình đã cung cấp các đoạn hội thoại kèm theo mẫu câu và từ vựng liên quan để học viên có thể thực hiện giao tiếp với những chủ đề này trong cuộc sống đời thường.

Tuy nhiên, nội dung văn hóa trong hội thoại phần lớn mang tính lồng ghép để minh họa cho cấu trúc ngữ pháp và từ vựng, chưa thực sự thể hiện tính tương tác trong cuộc giao tiếp tự nhiên cũng như sự khéo léo trong cách ứng xử của người Việt Nam.

*Ví dụ: Hội thoại mục 2 trang 53 TVA1:*

*Liên: Em chào chị, gia đình mới của chị thế nào?*

*Ngân: Vui, em ạ!*

*Liên: Nhà mới của chị có đẹp không?*

*Ngân: Đẹp, nhưng chị nhớ nhà cũ của chị.*

*Liên: Chiều nay chị có rỗi không?*

*Ngân: Không, chiều nay chị bận. Chị về nhà, đi chợ, nấu cơm.*

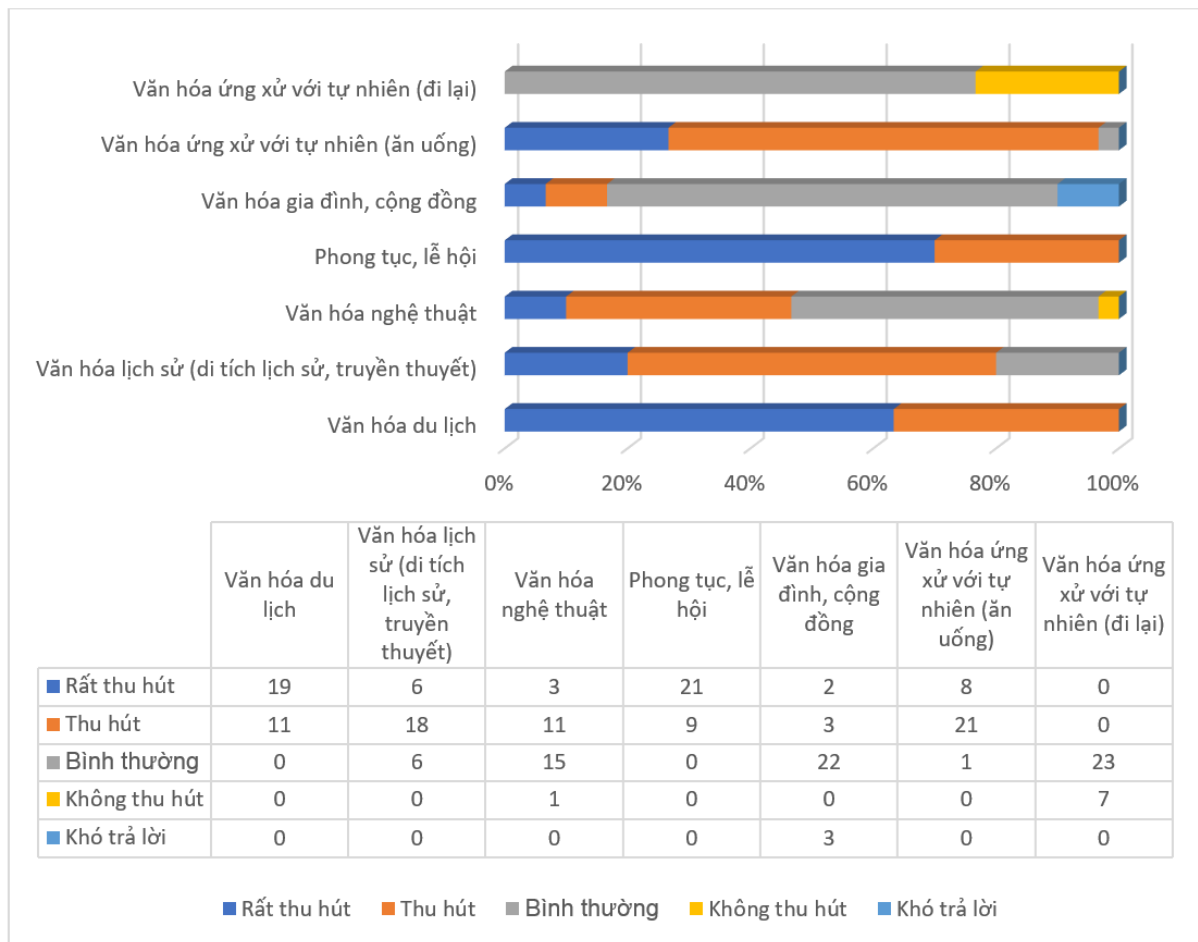
Đoạn hội thoại trên chỉ mang tính giới thiệu mẫu ngữ pháp của bài học (Câu hỏi: "...thế nào?", "có + tính từ + không?"). Chúng tôi không thấy được tính đối đáp giữa hai nhân vật trong giao tiếp. Hội thoại chỉ diễn ra theo một chiều, Liên hỏi và Ngân trả lời.

Nhìn chung, việc tích hợp nội dung văn hóa trong giáo trình đã đáp ứng cơ bản yêu cầu giao tiếp của học viên trong giai đoạn đầu tiên tiếp xúc với tiếng Việt. Tuy nhiên, cần được điều chỉnh theo hướng cân đối, đa dạng hơn và tăng cường yếu tố văn hóa ứng xử của người Việt Nam trong các tình huống giao tiếp.

2.4.2. *Đánh giá của học viên về các nội dung văn hóa*

Trên cơ sở đánh giá nội dung văn hóa trong giáo trình, nghiên cứu tiếp tục khảo sát trải nghiệm

và nhu cầu của học viên nhằm làm rõ mức độ phù hợp của các nội dung này trong thực tiễn cũng như xác định, bổ sung những nội dung, phương pháp cần thiết để nâng cao hiệu quả giảng dạy.

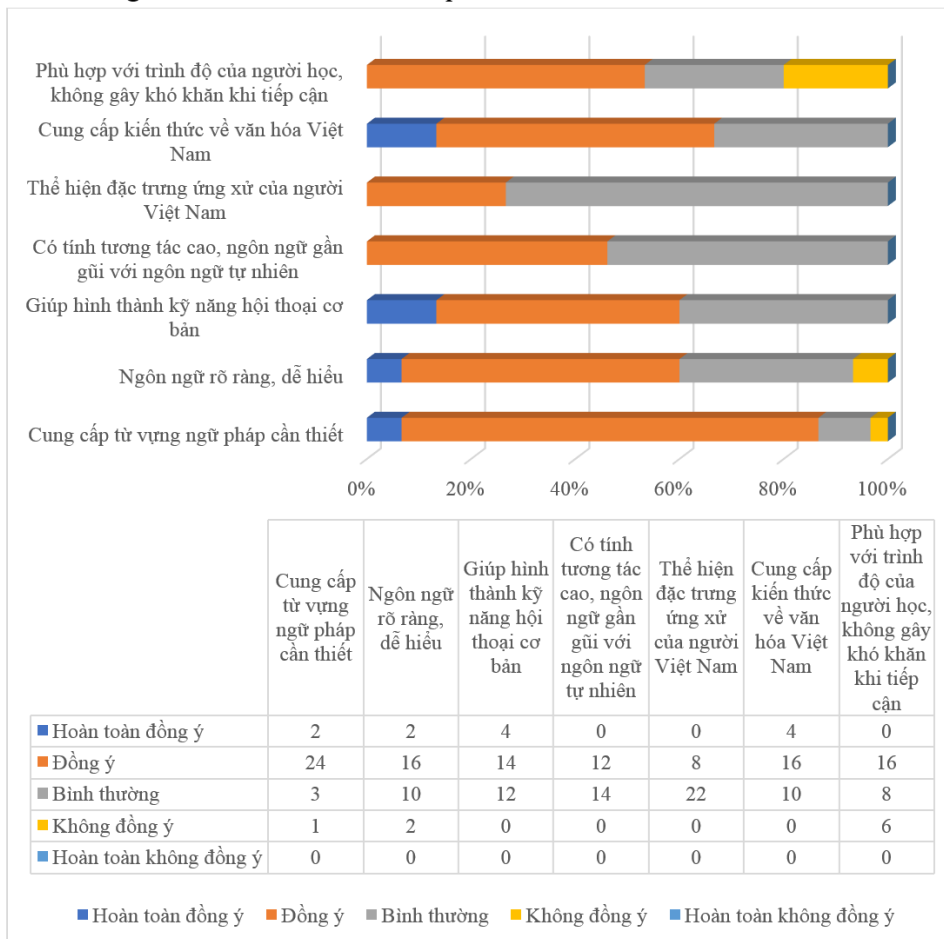


Bảng 1: *Đánh giá của học viên về các chủ đề của các bài đọc có nội dung văn hóa trong giáo trình*

Theo kết quả khảo sát đánh giá của học viên về các chủ đề văn hóa của các bài đọc trong giáo trình tiếng Việt, văn hóa du lịch (cảnh đẹp), phong tục lễ hội và văn hóa ứng xử với tự nhiên – ăn uống được phần lớn học viên đánh giá cao nhất với 100% các lựa chọn ở mức *rất thu hút* và *thu hút*. Qua thực tế, chúng tôi nhận thấy nội dung văn hóa du lịch (cảnh đẹp) thu hút sự quan tâm của học viên bởi có thể dễ dàng sử dụng các phương tiện dạy học và kết hợp với những chuyến tham quan dã ngoại để giới thiệu về cảnh đẹp tự nhiên và nội dung văn hóa... Trong đó, các chủ đề về văn hóa gia đình, cộng đồng và văn hóa ứng xử với tự nhiên (đi lại) chủ yếu được đánh giá ở *mức bình thường*. Kết quả khảo sát giáo trình cho thấy các bài đọc thuộc chủ đề văn hóa ứng xử với tự nhiên – đi lại còn hạn chế về số lượng và nội dung, chưa thực sự đa dạng và thiếu chiều sâu, tính cập nhật. Đặc biệt, chưa có nhiều bài đọc

hoặc đoạn hội thoại phản ánh rõ nét đặc trưng văn hóa giao thông của người Việt, nên chưa tạo được sự thu hút đối với người học.

Đối với chủ đề văn hóa gia đình, cộng đồng, các bài đọc chủ yếu mang tính khái quát, thiên về cung cấp thông tin, chưa được xây dựng sinh động, do đó chưa thực sự tạo hứng thú cho học viên. Dựa vào khảo sát giáo trình, các bài đọc của chủ đề về văn hóa ứng xử với tự nhiên – đi lại còn hạn chế, nội dung chưa thực sự đa dạng, sâu sắc nên chưa thu hút sự quan tâm của học viên. Còn các bài đọc về văn hóa gia đình, cộng đồng còn tính khái quát, nặng về tính chất giới thiệu thông tin, chưa thực sự sinh động. Có thể thấy, học viên quan tâm đến các chủ đề văn hóa mang tính gần gũi, dễ hình dung, có khả năng trải nghiệm, còn các chủ đề mang tính trừu tượng, ít gắn với kinh nghiệm cá nhân thì ít được quan tâm.



Bảng 2: Đánh giá của học viên về các chủ điểm giao tiếp trong giáo trình

Các chủ điểm giao tiếp trong giáo trình được đánh giá khá tích cực về tiêu chí cung cấp về nền tảng ngôn ngữ. Cụ thể, 86,7% ý kiến đồng ý và hoàn toàn đồng ý với tiêu chí cung cấp từ vựng ngữ pháp cần thiết, 60% lựa chọn với tiêu chí ngôn ngữ rõ ràng dễ hiểu. Về tiêu chí tính tương tác và mức độ gần gũi với ngôn ngữ tự nhiên chỉ đạt 40% ý kiến đồng ý, trong khi 46,7% đánh giá ở mức bình thường. Còn ở khía cạnh văn hóa, phần lớn học viên (66,7%) đánh giá chủ điểm giao tiếp cung cấp kiến thức về văn hóa Việt Nam. Tuy nhiên, tiêu chí thể hiện đặc trưng ứng xử của người Việt Nam có tỷ lệ thấp hơn, chiếm 73,3% ở mức độ bình thường. Cuối cùng, phần lớn học viên cho rằng cái chủ điểm ngữ pháp được phân bố theo trình độ phù hợp với trình độ người học. Có thể thấy rằng, các chủ điểm giao tiếp đáp ứng cơ bản phù hợp với người học, yêu cầu về ngôn ngữ và kiến thức văn hóa trong giai đoạn đầu tiên, tuy nhiên còn hạn chế về tính tương tác và chiều sâu văn hóa.

Theo kết quả khảo sát, hoạt động đồ vui được lựa chọn nhiều nhất (93%), tiếp đến là đóng vai trong tình huống giao tiếp (90%). Đây là những

hoạt động sôi nổi, có tính tương tác cao lại không đặt nặng yêu cầu về ngôn ngữ, phù hợp với học viên ở giai đoạn đầu... Bên cạnh đó, các hoạt động như giảng dạy bài đọc có nội dung văn hóa, thảo luận nhóm cũng chiếm tỷ lệ lựa chọn cao, cho thấy học viên vẫn nhận thức được vai trò quan trọng của hình thức dạy học truyền thống trong việc cung cấp kiến thức nền tảng. Trong khi đó, thuyết trình là hoạt động ít được học viên lựa chọn nhất, phản ánh mức độ ưu tiên chưa cao đối với các hoạt động đòi hỏi khả năng diễn đạt và sử dụng ngôn ngữ ở mức thành thạo.

Bên cạnh đó qua khảo sát và phỏng vấn học viên, kiến thức về văn hóa bệnh viện, cụ thể là các tình huống giao tiếp trong bệnh viện là điều học viên mong muốn được tiếp cận. Điều này cho thấy học viên có xu hướng quan tâm những nội dung có tính ứng dụng cao, gần gũi với môi trường học tập và sinh hoạt thực tế. Các nội dung này hiện chưa được thể hiện rõ trong giáo trình. Trong bối cảnh học viên theo học tại Học viện Quân y, việc hiểu và sử dụng ngôn ngữ trong các tình huống giao tiếp cơ bản trong bệnh viện như hỏi – đáp, hướng dẫn, thăm hỏi hay trao đổi thông tin là cần thiết.

### III. KẾT LUẬN

Qua việc điều tra khảo sát, kết quả nghiên cứu cho thấy việc giảng dạy nội dung văn hóa trong giáo trình tiếng Việt cho học viên nước ngoài cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu học tập của học viên trong giai đoạn dự khóa. Đa số chủ đề văn hóa trong các bài đọc được nhận xét tích cực về tính gần gũi, dễ hiểu, thu hút sự quan tâm của học viên; còn các chủ điểm văn hóa cung cấp được các kiến thức ngữ pháp và từ vựng cần thiết cũng như cung cấp kiến thức văn hóa, góp phần giúp học viên hình thành khả năng hội thoại cơ bản; từ đó tạo điều kiện cho học viên thích nghi với môi trường sống và học tập tại Việt Nam.

Tuy nhiên, kết quả khảo sát cũng chỉ ra vài hạn chế nhất định như còn thiếu những chủ đề văn hóa cần thiết, quan trọng trong các giáo trình tiếng Việt (như chủ đề văn hóa với tự nhiên – ăn mặc/ ở). Ngoài ra giáo trình còn có một số chủ đề có nội dung bài đọc chưa thực sự hấp dẫn, thiếu chiều sâu (chủ đề về văn hóa ứng xử với tự nhiên – đi lại; văn hóa gia đình – cộng đồng), những chủ đề này không nhận được sự quan tâm của học viên. Về các chủ điểm văn hóa thì còn có một số chủ điểm chưa thực sự phát huy tính tương tác và ngôn từ chưa gần gũi với đời sống.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Đoan Thien Thuat (chủ biên). (2018). *Tiếng Việt trình độ A (Tập 1, 2)*. Nxb Thế giới.
- Đoan Thien Thuat (chủ biên). (2009). *Tiếng Việt trình độ B*. Nxb Thế giới
- Đoan Thien Thuat (chủ biên). (2009). *Tiếng Việt trình độ C*. Nxb Thế giới.
- Hinkel, E. (1999). *Culture in second language teaching and learning*. Cambridge University Press.
- Hwang, G. Y., Trinh, C. L., & Nguyễn, K. H. (2010). *Bài đọc tiếng Việt nâng cao (dành cho người nước ngoài)*. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Nguyen Thi Thuy. (2020). *Khảo sát lỗi dùng từ của sinh viên Trung Quốc hệ 2+2 tại Khoa Việt Nam học – Đại học Hà Nội (Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Hà Nội)*.
- Tomalin, B., & Stempleski, S. (1993). *Cultural awareness*. Oxford University Press
- Tran Thuy Vinh. (2013). *Về truyền tải kiến thức văn hóa trong giảng dạy tiếng Việt cho học viên nước ngoài*. Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ, 16(X3), 96–117.